

Bản án số: 143/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Từ Anh Tuấn;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 771/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1990; thường trú: Ấp Đ, xã T, thị xã N, tỉnh Hậu Giang. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Hữu G, sinh năm 1991; thường trú: 22/5C khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Huỳnh Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tuy nhiên theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị N và anh Lê Hữu G có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương vào năm 2013, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2013, quyển số 01 ngày 04/02/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại gia đình bên chồng tại phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương đến đầu năm 2018 thì chị Huỳnh Thị

N chuyển về gia đình mẹ ruột sinh sống tại thị xã N, thành phố Hậu Giang cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khi chị N sinh con đầu lòng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G không đi làm, không chăm lo cho gia đình và vợ con. Ngoài ra anh G có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không dành tình cảm cho chị N, vì con chị N đã nhẵn nhụi mong anh G thay đổi nhưng anh G không thay đổi. Chị N và anh G đã sống ly thân khoảng 02 năm nay, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung, cháu Lê Thị Bích T, sinh ngày 01/9/2012. Hiện con chung đang ở với chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn anh Lê Hữu G:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu anh Lê Hữu G có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Huỳnh Thị N nhưng ông Lê Hữu G không có ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Hữu G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 10/11/2020 nhưng anh G vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, chị Huỳnh Thị N và anh Lê Hữu G có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Chị Huỳnh Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hữu G. Anh Lê Hữu G cư trú tại 22/5C khu phố T, phường B,

thành phố D, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Theo biên bản xác minh ngày 03/11/2020 của Tòa án tại Công an phường T xác định bị đơn anh L có đăng ký thường trú tại chỉ chỉ 22/5C khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và hiện đang sinh sống tại địa chỉ trên. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết đề triệu tập anh Lê Hữu G làm việc nhưng anh G vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Anh Lê Hữu G đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 27/11/2020 và ngày 15/12/2020 nhưng anh Lê Hữu G vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Huỳnh Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị N và anh Lê Hữu G là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương vào ngày 04/02/2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2013 nên quan hệ hôn nhân của chị Huỳnh Thị N và anh Lê Hữu G là hợp pháp.

Chị Huỳnh Thị N xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh G không chung thủy, không chăm lo cho gia đình và vợ con. Chị N đã chuyển về sống cùng mẹ ruột khoảng 02 năm nay, trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không còn liên hệ. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến việc chị N không còn tình cảm và muốn yêu cầu ly hôn với anh G. Bản thân anh G, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh G đến tham gia phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh G không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ anh G không muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của chị N đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Huỳnh Thị N yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung, cháu Lê Thị Bích T, sinh ngày 01/9/2012. Hiện con chung đang ở với chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét cháu Lê Thị Bích T là con gái, hiện đang sống chung với chị N, theo bản tự khai ngày 13/10/2020 cháu T có nguyện vọng được sống cùng với chị N nên việc giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị N không yêu cầu anh Lê Hữu G cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Huỳnh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị N được ly hôn với anh Lê Hữu G (Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2013, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương cấp ngày 04/02/2013).

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Bích T, sinh ngày 01/9/2012 cho chị Huỳnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Thị N không yêu cầu anh Lê Hữu G cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị Huỳnh Thị N và anh Lê Hữu G đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0048603 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An,

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

Nguyễn Ngọc Quyết